

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 11 năm 2018

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Hữu Soái**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Hữu Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST- HNGĐ ngày 27/8/2018 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1990, có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Ngọc B, sinh năm 1984, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày: Tôi xây dựng gia đình với anh Vũ Ngọc B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2008 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân được khoảng 3 tháng. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh B nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục nên tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ Ngọc B.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có hai con chung:

- Vũ Thị Ý N, sinh ngày 14/3/2009.

- Vũ Huy Hoàng, sinh ngày 14/5/2015.

Hiện nay, cháu N và cháu H đang ở với tôi. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến tuổi trưởng thành, đồng ý để anh B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến tuổi trưởng thành. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Vũ Ngọc B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ đúng như chị D đã trình bày.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị D làm đơn ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung như chị D đã trình bày.

Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn cư trú tại huyện Krông Ana nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Vũ Thị D, bị đơn anh Vũ Ngọc B là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 BLTTDS, cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Vũ Ngọc B.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Vũ Thị Ý N, sinh ngày 14/3/2009 cho đến tuổi trưởng thành. Giao cho anh Vũ Ngọc B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Huy H, sinh ngày 14/5/2015 đến tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Vũ Ngọc B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 14/11/2008 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn chị D và anh B chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị D và anh B tại chính quyền địa phương cho biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D đã kéo dài mấy năm nay, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh B đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh B có hai con chung; cụ thể:

- Vũ Thị Ý N, sinh ngày 14/3/2009.

- Vũ Huy H, sinh ngày 14/5/2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị D và nguyện vọng của cháu Vũ Thị Ý N muốn ở với mẹ nên cần giao cho cháu N cho chị D nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Xét yêu cầu của bị đơn anh Vũ Ngọc B có nguyện vọng muốn nuôi cả hai con chung là cháu N và cháu H thấy rằng: Nguyên đơn chị D có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, cháu N đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó, yêu cầu của anh B là không có căn cứ chấp nhận mà cần giao cháu Vũ Huy H sinh ngày 14/5/2018 cho anh B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh B không yêu cầu Tòa án phân chia nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị D, chị Vũ Thị D được ly hôn anh Vũ Ngọc B.

[2] **Về con chung:**

Giao cho chị Vũ Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Thị Ý N, sinh ngày 14/3/2009 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Giao cho anh Vũ Ngọc B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Huy H, sinh ngày 14/5/2015 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] **Về án phí:** Chị Vũ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số: 0005759 ngày 27 tháng 8 năm 2018.

Anh Vũ Ngọc B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hữu Soái